



LONG GIANG  
LAND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý II/2010

**Bao gồm:**

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Địa: Số 173 Xuân Thủy Quận Cầu Giấy Hà Nội  
ĐT: 0437950595 Fax: 0437950099

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	1/1/2010	30/06/2010
100	<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>302,194,365,863</b>	<b>404,371,789,175</b>
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26,678,762,306	76,184,218,314
111	1 Tiền		1,656,352,523	7,267,455,753
112	2 Các khoản tương đương tiền		25,022,409,783	68,916,762,561
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	13,390,357,755	49,428,190,801
121	1 Đầu tư ngắn hạn		13,390,357,755	49,428,190,801
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		186,287,740,393	172,596,851,112
131	1 Phải thu của khách hàng		171,139,370,534	136,526,933,370
132	2 Trả trước cho người bán		14,927,561,381	36,050,501,204
135	4 Các khoản phải thu khác	5	220,808,478	19,416,538
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
140	IV Hàng tồn kho		31,524,466,672	50,767,245,630
141	1 Hàng tồn kho	6	31,524,466,672	50,767,245,630
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V Tài sản ngắn hạn khác		44,313,038,737	55,395,283,318
158	2 Tài sản ngắn hạn khác	7	44,313,038,737	55,395,283,318
200	<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>68,157,097,631</b>	<b>129,434,860,643</b>
210	I Các khoản phải thu dài hạn		39,186,659,050	73,947,282,550
218	1 Phải thu dài hạn khác	8	39,186,659,050	73,947,282,550
220	II Tài sản cố định		16,862,098,149	15,384,361,144
221	1 Tài sản cố định hữu hình		10,383,548,149	8,905,811,144
222	- Nguyên giá		15,480,490,745	15,076,529,402
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5,096,942,596)	(6,170,718,258)
227	2 Tài sản cố định vô hình	9	6,478,550,000	6,478,550,000
228	- Nguyên giá		6,478,550,000	6,478,550,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	5,050,000,000	26,670,000,000
251	1 Đầu tư vào công ty con		-	20,420,000,000
252	1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2,000,000,000	-
258	2 Đầu tư dài hạn khác		3,050,000,000	6,250,000,000
260	V Tài sản dài hạn khác		7,058,340,432	13,433,216,949
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	11	6,058,340,432	7,433,216,949
268	2 Tài sản dài hạn khác		1,000,000,000	6,000,000,000
270	<b>C TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>370,351,463,494</b>	<b>533,806,649,818</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	1/1/2010	30/06/2010
300	<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>239,624,017,260</b>	<b>272,732,969,540</b>
310	<b>I Nợ ngắn hạn</b>		<b>239,618,835,593</b>	<b>272,727,787,873</b>
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	12	94,017,456,359	127,090,172,421
312	2 Phải trả người bán		72,437,952,971	80,243,495,544
313	3 Người mua trả tiền trước		4,453,707,218	12,794,331,979
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	17,598,407,035	18,681,687,466
315	5 Phải trả người lao động		783,813,862	756,210,796
316	6 Chi phí phải trả		14,923,748,746	9,463,616,462
319	8 Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	29,811,407,328	18,665,517,669
323	10 Quỹ khen thưởng phúc lợi		5,592,342,074	5,032,755,536
330	<b>II Nợ dài hạn</b>		<b>5,181,667</b>	<b>5,181,667</b>
336	1 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		5,181,667	5,181,667
400	<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>130,727,446,234</b>	<b>261,073,680,278</b>
410	<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>130,727,446,234</b>	<b>261,073,680,278</b>
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80,000,000,000	140,000,000,000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		27,207,000,000	70,829,006,688
417	3 Quỹ đầu tư phát triển		6,215,871,163	6,215,871,163
419	4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3,107,935,582	3,107,935,582
420	5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14,196,639,489	40,920,866,845
430	<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>C TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>370,351,463,494</b>	<b>533,806,649,818</b>

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010  
Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hà



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý II

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	72,068,645,693	67,553,691,520	107,109,961,637	110,198,716,290
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		4,091,317,143		5,212,442,857	-
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		67,977,328,550	67,553,691,520	101,897,518,780	110,198,716,290
11	4 Giá vốn hàng bán	18	51,415,902,256	54,205,619,380	77,634,448,492	85,853,316,665
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16,561,426,294	13,348,072,140	24,263,070,288	24,345,399,625
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	19	797,845,632	3,512,972,055	1,997,370,940	22,446,220,780
22	7 Chi phí tài chính		695,892,780	3,654,654,373	2,265,864,151	6,856,318,684
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		695,892,780		2,265,864,151	6,811,640,149
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		2,562,740,234	3,978,065,516	4,363,367,398	8,046,575,458
30	10 Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		14,100,638,912	9,228,324,306	19,631,209,679	31,888,726,263
31	11 Thu nhập khác		2,757,960,765	522,053,469	2,758,398,268	695,062,560
32	12 Chi phí khác	20	1,966,963,719	287,747,898	1,966,963,719	395,485,680
40	13 Lợi nhuận khác		790,997,046	234,305,571	791,434,549	299,576,880
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14,891,635,958	9,462,629,877	20,422,644,228	32,188,303,143
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	2,591,765,043	2,074,444,847	3,474,030,915	5,463,863,164

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang  
Số 173 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12,299,870,915</u>	<u>7,388,185,030</u>	<u>16,948,613,313</u>	<u>26,724,439,979</u>
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	1,537	528	2,119	2,648

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc



Lê Hà Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)  
Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010
	<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		115,807,166,559	163,445,519,181
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(104,539,892,222)	(120,898,648,412)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(3,272,761,904)	(6,244,812,990)
04	4 Tiền chi trả lãi vay		(2,425,925,601)	(5,703,065,361)
05	5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(6,553,112,425)	(2,184,146,476)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18,313,557,417	39,037,322,764
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20,481,453,117)	(20,147,984,528)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(2,952,421,293)</b>	<b>47,304,184,178</b>
	<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác		(1,502,000,000)	(89,490,762)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác		2,742,000,000	200,000,000
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(51,776,627,640)	(347,631,352,606)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		46,480,111,111	287,783,576,180
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1,103,311,306)	(84,034,186,483)
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6,459,000,000	7,486,128,060
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,873,035,718	12,887,353,627
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>3,172,207,883</b>	<b>(123,397,971,984)</b>
	<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			103,622,006,688
33	2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		97,334,440,703	125,941,464,795
34	3 Tiền chi trả nợ gốc vay		(78,495,003,726)	(103,914,027,669)
36	4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(50,200,000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>18,839,436,977</b>	<b>125,599,243,814</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>19,059,223,567</b>	<b>49,505,456,008</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2,099,778,840	26,678,762,306
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>21,159,002,407</u>	<u>76,184,218,314</u>

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư bất động sản và thi công xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 173 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội.

Công ty có các đơn vị thành viên:

#### Chi nhánh:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang tại Tp Hồ Chí Minh	Tp Hồ Chí Minh	- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình giao thông; - Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị và khu công nghiệp; - Kinh doanh nhà, máy móc thiết bị, vật tư ngành xây dựng; - Tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư tài chính.

#### Văn phòng đại diện:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Văn phòng đại diện Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang tại Tp Cần Thơ	TP Cần Thơ	Liên hệ giao dịch các hoạt động của Công ty

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư bất động sản và thi công xây lắp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty có phần số 0103000552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 10 năm 2001, thay đổi lần 6 ngày 14 tháng 05 năm 2010 với mã số doanh nghiệp là 0101184201, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng các công trình giao thông;
- Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị và khu công nghiệp;
- Kinh doanh nhà và bất động sản;
- Kinh doanh máy móc thiết bị và vật tư ngành xây dựng;
- Tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Tư vấn đầu tư tài chính (Không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh các dịch vụ khách sạn, nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng; công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật), tư vấn quản lý dự án trong lĩnh vực xây dựng;
- Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình;
- Khai thác, sản xuất, chế biến và kinh doanh vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp,

- Kinh doanh xuất nhập khẩu ở to các loại, dây chuyền công nghệ máy, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vận tải;
- Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Dịch vụ quảng cáo bất động sản;
- Dịch vụ đầu giá bất động sản;
- Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Dịch vụ môi giới bất động sản
- Dịch vụ định giá bất động sản
- Kinh doanh sản giao dịch bất động sản

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tin hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:



- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
- Phương tiện vận tải	05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất, cụ thể như - TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng 148,4 m<sup>2</sup> đất tại số nhà 35/11 Trần Đình Xu, Phường Cầu Kho, quận 1, Tp Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài;

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

#### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong năm là: 0%.

#### Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

#### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu được ghi nhận căn cứ vào phần công việc hoàn thành, được xác nhận một cách đáng tin cậy và có xác nhận của khách hàng;

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang  
Số 173 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>31,524,466,672</u>	<u>50,767,245,630</u>
<b>7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>		
Tạm ứng	44,102,798,737	55,307,700,294
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	210,240,000	87,583,024
<b>Cộng</b>	<u>44,313,038,737</u>	<u>55,395,283,318</u>
<b>8 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC</b>		
- Vốn góp dự án		
+ Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (***)	29,186,659,050	29,186,659,050
+ Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Thăng Long GTC (**)	5,000,000,000	5,000,000,000
+ Công ty CP tư bổ di tích và thiết bị văn hóa Trung Ương (*)	5,000,000,000	5,000,000,000
+ Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Long Giang (****)		4,093,089,000
+ Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Long Giang (*****)		30,667,534,500
<b>Cộng</b>	<u>39,186,659,050</u>	<u>73,947,282,550</u>

(\*\*\*) Hợp tác thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở và văn phòng tại ngõ 102 Trường Chinh - Đống Đa - HN trên diện tích đất đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam. Tổng quy mô của dự án là 21.715 m<sup>2</sup> gồm khu nhà 17 tầng, khu nhà thấp tầng và khu trường học. Vốn đầu tư của dự án khoảng 500 tỷ đồng.

(\*) Mục tiêu của hợp đồng hợp tác kinh doanh là Đầu tư xây dựng khu du lịch vịnh, dịch vụ và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

(\*\*) Hợp đồng chuyển nhượng tài sản, đối tượng của hợp đồng là tài sản sẽ hình thành tương lại trên khu đất với diện tích đất 4.003 m<sup>2</sup> tại địa chỉ Lô E thuộc dự án Đầu tư xây dựng đất để xây dựng hạ tầng tại xã Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội để đầu tư xây dựng chung cư cao tầng.

(\*\*\*\*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án xây dựng nhà ở cao tầng thuộc dự án Khu ngoại giao đoàn tại Xã Xuân Đình Từ Liêm Hà Nội.

(\*\*\*\*\*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện đầu tư xây dựng khu nhà cao tầng tại ô đất CC05A thuộc dự án Khu đô thị mới Việt Hưng - Hà Nội.

**TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	108,814,506	7,530,337,055	6,699,774,827	1,141,564,357	-	15,480,490,745
2. Số tăng trong kỳ	-	1,352,762	-	88,138,000	-	89,490,762
- Mua sắm mới	-	1,352,762	-	88,138,000	-	89,490,762
- Phân loại lại số đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	493,452,105	-	-	493,452,105
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	493,452,105	-	-	493,452,105
- Phân loại lại số đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	108,814,506	7,531,689,817	6,206,322,722	1,229,702,357	-	15,076,529,402
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	69,578,702	2,509,041,236	1,755,844,557	762,478,101	-	5,096,942,596
2. Số tăng trong năm	10,881,450	749,954,232	598,016,474	100,637,829	-	1,459,489,985
- Trích khấu hao	10,881,450	749,954,232	598,016,474	100,637,829	-	1,459,489,985
- Phân loại lại số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	385,714,323	-	-	385,714,323
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	385,714,323	-	-	385,714,323
- Phân loại lại số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	80,460,152	3,258,995,468	1,968,146,708	863,115,930	-	6,170,718,258
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Đầu năm	39,235,804	5,021,295,819	4,943,930,270	379,086,256	-	10,383,548,149
2. Cuối năm	28,354,354	4,272,694,349	4,238,176,014	366,586,427	-	8,905,811,144

9. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	6,478,550,000	-	6,478,550,000
2. Số tăng trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	6,478,550,000	-	6,478,550,000
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	-	-	-
2. Số tăng trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Đầu năm	6,478,550,000	-	6,478,550,000
2. Cuối năm	6,478,550,000	-	6,478,550,000

Tại ngày 31/12/2009, toàn bộ giá trị của tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất) của Lô đất tại 35/11 Trần Đình Xu, Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh được dùng để thế chấp đảm bảo đối với khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1420-LAV-200700104 ngày 28 tháng 04 năm 2010 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang với Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đồng Hà Nội.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	01/01/2010	30/06/2010
Đầu tư vào công ty con	-	20,420,000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy	-	20,420,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	2,000,000,000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy (*)	2,000,000,000	-
Đầu tư dài hạn khác	3,050,000,000	6,250,000,000
Góp vốn thành lập:		
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Vạn Xuân	1,050,000,000	1,250,000,000
- Công ty Cổ phần Long Giang TSQ	2,000,000,000	5,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>5,050,000,000</b>	<b>26,670,000,000</b>

(\*) Căn cứ vào hợp đồng liên doanh tháng 06 năm 2005 về việc góp vốn đầu tư và thành lập Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Xuân Thủy, Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang cam kết góp 45% tổng vốn điều lệ của Công ty là 25 tỷ đồng. Ngày 5/5/2010, Công ty Long Giang đã ký kết hợp đồng với Cty CP ĐT&XD Phương Đông (là cổ đông của công ty CP Xuân Thủy với tỉ lệ vốn góp là 25%) nhận chuyển nhượng lại 19% vốn điều lệ với giá trị hợp đồng là 7,22 tỷ, tăng tỉ lệ sở hữu vốn tại Công ty CP Xuân Thủy thành 64%

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	01/01/2010	30/06/2010
	VND	VND
Chi phí sửa chữa cầu thấp	21,397,733	7,132,583
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	5,923,677,556	7,364,501,543
Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	113,265,143	61,582,823
<b>Cộng</b>	<b>6,058,340,432</b>	<b>7,433,216,949</b>

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Vay ngắn hạn	94,017,456,359	127,090,172,421
- Vay ngân hàng	89,076,280,968	105,177,594,446
- Vay đối tượng khác	4,941,175,391	21,912,577,975
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>94,017,456,359</b>	<b>127,090,172,421</b>

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng:

Đơn vị tính: VND

Hợp đồng	Lãi suất (% tháng)	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức bảo đảm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN					
	Theo từng HD cụ thể	Theo từng HD cụ thể	100,000,000,000	45,627,755,837	Thế chấp và tín chấp
NH Nông nghiệp và PT NT Đông HN					
	Theo từng Giấy nhận nợ	06 tháng	52,000,000,000	35,284,799,088	Thế chấp và tín chấp
NH Vietinbank - CN Đông Anh					
	Theo từng Giấy nhận nợ	Theo từng Giấy nhận nợ	40,000,000,000	24,265,039,521	Thế chấp và tín chấp
<b>Cộng</b>			177,500,000,000	105,177,594,446	

- Vay cá nhân		48,447,420
- Công ty Thương mại Dịch vụ Tráng Thi		21,864,130,555
<b>Cộng</b>		<b>21,912,577,975</b>

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2010 VND	30/06/2010 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9,188,071,659	7,023,961,291
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8,364,995,719	11,644,925,029
Thuế Thu nhập cá nhân	45,339,657	12,801,146
<b>Cộng</b>	<b>17,598,407,035</b>	<b>18,681,687,466</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	01/01/2010	30/06/2010
Kinh phí công đoàn	47,372,535	121,284,968
Bảo hiểm xã hội	-	(10,823)
Bảo hiểm thất nghiệp	-	27,079,400
Bảo hiểm y tế	-	58,429,200

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang  
Số 173 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Các khoản phải trả, phải nộp khác	29,764,034,793	18,458,734,924
- Nhận vốn góp dự án 69 Vũ Trọng Phụng	3,656,352,776	3,656,352,776
- Nhận vốn góp dự án Cải Khế Cầu thơ	458,599,632	458,599,632
- Nhận góp vốn mua cổ phần BOT Phú Mỹ	1,300,000,000	1,300,000,000
- Nhận góp vốn dự án Sài Đồng		1,250,000,000
- Cổ tức phải trả	1,729,229,129	1,680,229,129
- Vay công ty TMDV Tràng Thi (không tính lãi)	20,000,000,000	10,000,000,000
- Quỹ thưởng HĐQT và BGD	277,527,676	
- Phải trả, phải nộp khác	2,342,325,580	113,553,387
<b>Cộng</b>	<b>29,811,407,328</b>	<b>18,665,517,669</b>

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80,000,000,000	27,207,000,000	2,520,124,065	1,260,062,033	6,189,590,438	117,176,776,536
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	36,957,470,981	36,957,470,981
Tăng khác	-	-	3,695,747,098	1,847,873,549	-	5,543,620,647
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	28,950,421,931	28,950,421,931
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>80,000,000,000</b>	<b>27,207,000,000</b>	<b>6,215,871,163</b>	<b>3,107,935,582</b>	<b>14,196,639,488</b>	<b>130,727,446,233</b>
Tăng vốn trong kỳ này	60,000,000,000	43,622,006,688	-	-	-	103,622,006,688
Lãi trong năm	-	-	-	-	26,724,227,356	26,724,227,356
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>140,000,000,000</b>	<b>70,829,006,688</b>	<b>6,215,871,163</b>	<b>3,107,935,582</b>	<b>40,920,866,844</b>	<b>261,073,680,277</b>



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm trước VND	Năm nay VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	140,000,000,000
- Vốn góp đầu năm	80,000,000,000	80,000,000,000
- Vốn góp cuối kỳ	80,000,000,000	140,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14,400,000,000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước(*)	2,400,000,000	-
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay (**)	12,000,000,000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	20%	

(\*)Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 1804/2009/NQ-DHĐCD ngày 18 tháng 04 năm 2009, Công ty công bố việc chi trả cổ tức đợt năm 2008 là 15% (mỗi cổ phần được nhận 1.500 VND).

(\*\*)Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 2707/2009/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 07 năm 2009 Công ty công bố tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009 là 9% (mỗi cổ phần được nhận 900 đồng/cổ phần) bằng tiền mặt. Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 2011/2009/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 11 năm 2009 Công ty công bố tạm ứng cổ tức đợt II năm 2009 là 6% (mỗi cổ phần được nhận 600 đồng/cổ phần) bằng tiền mặt.

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	14,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	14,000,000	8,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	6,215,871,163	6,215,871,163
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3,107,935,582	3,107,935,582
<b>Cộng</b>	<b>9,323,806,745</b>	<b>9,323,806,745</b>

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 1/1/2010 đến 30/06/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến 30/06/2009
Doanh thu bán hàng	14,250,713,575	18,078,507,266
Doanh thu cung cấp dịch vụ	874,977,272	15,396,382,911
Doanh thu hợp đồng xây dựng	95,073,025,443	73,635,071,460
<b>Cộng</b>	<b>110,198,716,290</b>	<b>107,109,961,637</b>

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ ngày 1/1/2010 đến 30/06/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến 30/06/2009
Hàng bán bị trả lại		5,212,442,857
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5,212,442,857</b>

19 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 1/1/2010 đến 30/06/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến 30/06/2009
Doanh thu bán hàng	14,250,713,575	12,866,064,409
Doanh thu cung cấp dịch vụ	874,977,272	15,396,382,911
Doanh thu hợp đồng xây dựng	95,073,025,443	73,635,071,460
<b>Cộng</b>	<b>110,198,716,290</b>	<b>101,897,518,780</b>

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 1/1/2010 đến 30/06/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến 30/06/2009
Giá vốn của hàng hoá	11,921,182,745	10,575,998,075
Giá vốn của hoạt động xây lắp	72,995,156,020	62,125,208,752
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	936,977,900	4,933,241,665
<b>Cộng</b>	<b>85,853,316,665</b>	<b>77,634,448,492</b>

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 1/1/2010 đến 30/06/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến 30/06/2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,430,782,352	1,426,331,940
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, cổ phiếu	9,682,587,940	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10,332,850,488	571,039,000
<b>Cộng</b>	<b>22,446,220,780</b>	<b>1,997,370,940</b>

**22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 1/1/2010 đến 30/06/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến 30/06/2009
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5,463,863,164	3,474,030,915
<b>Cộng</b>	<b>5,463,863,164</b>	<b>3,474,030,915</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010 bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế thu được trong kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định cụ thể như sau:

	Từ ngày 1/1/2010 đến 30/06/2010
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32,188,303,143
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	
- Các khoản điều chỉnh giảm	
<i>Lợi nhuận sau thuế được chia từ dự án 173 Xuân Thủy</i>	10,082,850,488
<i>Cổ tức cổ phiếu MCG</i>	250,000,000
Tổng thu nhập chịu thuế	21,855,452,655
Thuế suất thuế TNDN	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành	5,463,863,164

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ ngày 1/1/2010 đến 30/06/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến 30/06/2009
Tổng lợi nhuận sau thuế	26,724,439,979	16,948,613,313
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26,724,439,979	16,948,613,313
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10,090,542	8,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,648	2,119

24 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Đơn vị tính: VND

a. Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Thị công xây lắp	Kinh doanh VLXD	Cho thuê thiết bị	Đầu tư tài chính	Bộ phận quản lý chung	Tổng bộ phận đã báo cáo	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	95,073,025,443	14,250,713,575	874,977,272		-	110,198,716,290	110,198,716,290
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-
3. Khấu hao và phân bổ chi phí dài hạn	2,631,172,320	-	184,474,911		1,233,873,848	4,049,521,079	4,049,521,079
4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22,077,869,423	2,329,530,830	(62,000,628)	15,549,953,184	(8,006,626,546)	31,888,726,263	31,888,726,263
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	28,363,636					28,363,636	28,363,636
6. Tài sản bộ phận	382,233,476,269	25,741,769,145	6,499,722,012	9,713,779,570	102,350,447,069	526,539,194,065	526,539,194,065
7. Tài sản không phân bổ Tổng Tài sản						7,267,455,753	533,806,649,818
8. Nợ phải trả bộ phận	115,274,666,770	5,695,170,044	87,497,728		125,796,909	121,183,131,451	121,183,131,451
9. Nợ phải trả không phân bổ Tổng nợ phải trả						151,549,838,089	272,732,969,540

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	Cần Thơ	Toàn Doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	60,810,414,293	44,575,854,706	4,812,447,291	110,198,716,290
2. Tài sản bộ phận	404,397,292,046	88,997,585,644	40,411,772,128	533,806,649,818
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	62,195,762	13,295,000	14,000,000	89,490,762

25 . GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Từ ngày 1/1/2010 đến 30/06/2010
Doanh thu		
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng VN	Bên liên doanh	14,889,137,273

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2010
Phải thu		
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng VN	Bên liên doanh	9,076,575,152
- Công ty TMDV Tràng Thi	Bên liên doanh	9,168,000,000
Phải trả		
- Công ty TMDV Tràng Thi	Bên liên doanh	31,864,130,555

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc



Lê Hà Giang